CHƯƠNG 6: TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Trong chương trước đã trình bày các biến động ngắn hạn của nền kinh tế với mô hình tổng cầu – tổng cung. Chương 6 sẽ nghiên cứu tổng cầu của nền kinh tế, những nhân tố cấu thành tổng cầu, các nhân tố quyết định sự biến động của tổng cầu và việc sử dụng chính sách tài khóa tác động đến tổng cầu nhằm ổn định nền kinh tế.

6.1. Lý thuyết của Keynes và ảnh hưởng đến tổng cầu

6.1.1. Các giả thiết của Keynes

Chương này nghiên cứu mô hình đơn giản của Keynes với những giả thiết liên quan đến giá cả và tiền lương danh nghĩa là không đổi. Điều đó có nghĩa là trong ngắn hạn, mức sản lượng thực tế của nền kinh tế chỉ được xác định bởi tổng cầu, với mức giá không đổi cho tới điểm mà tại đó nền kinh tế đạt tới mức sản lượng toàn dụng lao động. Nền kinh tế không có hạn chế về tổng cung – tức là nền kinh tế có thể tiến hành sản xuất bất kỳ mức sản lượng nào được cầu tại mỗi mức giá cho trước và có thể thuê đủ lao động, thiết bị với công suất cần thiết để đạt được mức sản lượng đó. Đường tổng cung của nền kinh tế có dạng nằm ngang hệ số co giãn của đường tổng cung bằng vô cùng.

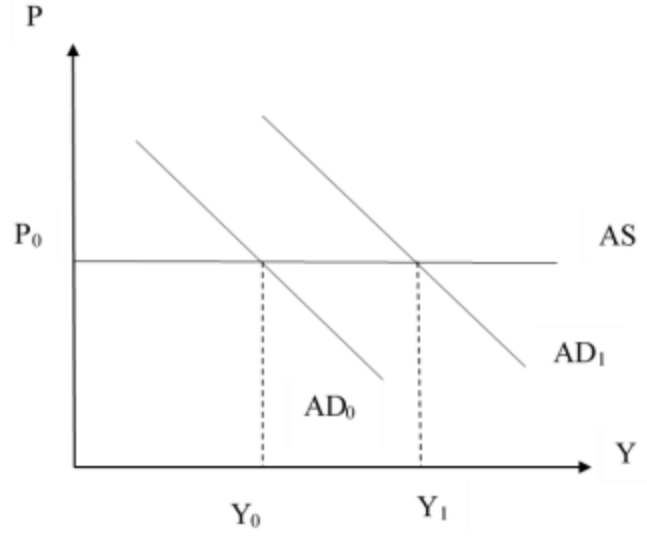

Hình 6.1: Sự dịch chuyển của đường tổng cầu khi nền kinh tế còn nhiều nguồn lực chưa được sử dụng

6.1.2. Đường tổng chi tiêu và ảnh hưởng đến tổng cầu

a. Đường tổng chi tiêu

Đường tổng chi tiêu là công cụ xác định mức sản lượng và tổng cầu tại trạng thái cân bằng khi nền kinh tế còn dồi dào nguồn lực chưa được sử dụng, biểu diễn mối quan hệ giữa tổng chi tiêu và thu nhập quốc dân.

Tổng chi tiêu được đề cập ở đây là một thuật ngữ chỉ *tổng chi tiêu dự kiến* của nền kinh tế, bao gồm chi tiêu dự kiến cho tiêu dùng, đầu tư, hàng hóa dịch vụ công và xuất khẩu ròng. Thu nhập quốc dân là thu nhập thực tế (GDP thực)

Đặc điểm của đường tổng chi tiêu

- Đường tổng chi tiêu có dạng dốc lên, cho thấy khi thu nhập quốc dân tăng thì tổng chi tiêu cũng tăng và ngược lại.
- Độ dốc của đường tổng chi tiêu nhỏ hơn 1. Nếu chúng ta vẽ 1 đường 45^0 đi qua gốc tọa độ thì đường tổng chi tiêu sẽ thoải hơn đường 45^0. Nguyên nhân là vì người tiêu dùng tiết kiệm một phần thu nhập tăng thêm.
- Đường tổng chi tiêu cắt trục tung tại một giá trị dương, hàm ý khi thu nhập quốc dân bằng không thì tổng chi tiêu của nền kinh tế vẫn mang giá trị dương và khoản chi tiêu này được gọi là *chi tiêu tự đinh*.

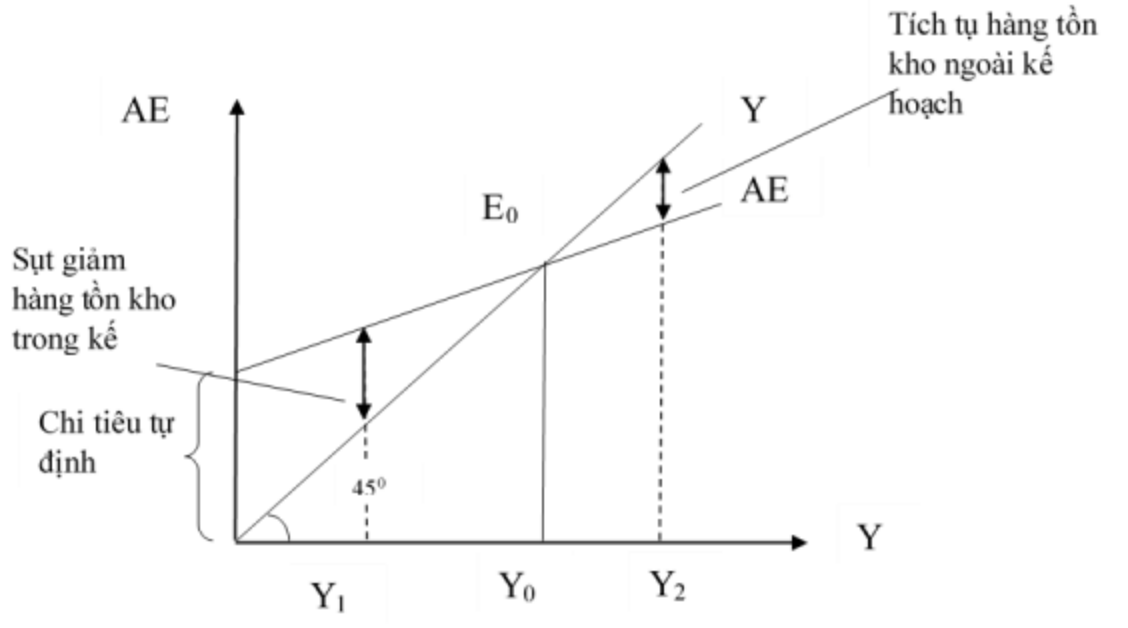

Hình 6.2: Đường tổng chi tiêu của nền kinh tế và sản lượng cân bằng

b. Sản lượng cân bằng trong mô hình thu nhập – chi tiêu

- *Đồng nhất thức thu nhập – sản lượng*

Trong phần trước đã trình bày, trong toàn bộ nền kinh tế, tổng thu nhập bằng tổng sản lượng. Điều này có thể thấy trong thực tế, trong các giao dịch mua bán thành công, doanh thu nhận được cuối cùng cũng trở thành thu nhập của các hộ gia đình như là kết quả nhận được từ quá trình cung ứng các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất. Nếu Y được dùng để biểu diễn thu nhập quốc dân, thì đồng nhất thức có thể viết như sau:

GDP ≡ Thu nhập quốc dân ≡ Y

Từ đồng nhất thức trên, có thể hiểu đường tổng chi tiêu theo hai cách. Đường tổng chi tiêu một mặt cho thấy mối quan hệ giữa tổng chi tiêu và thu nhập quốc dân. Mặt khác, đường tổng chi tiêu cũng cho thấy mối quan hệ giữa tổng chi tiêu và mức sản lượng quốc dân.

- *Sản lượng cân bằng*

Dọc theo đường tổng chi tiêu, tổng chi tiêu dự kiến tại mỗi mức thu nhập quốc dân cho thấy sức mua của hộ gia đình, doanh nghiệp và người nước ngoài đối với các hàng hóa dịch vụ của nền kinh tế; Dọc theo đường thu nhập (sản lượng) cho thấy tổng sản lượng được sản xuất bởi nền kinh tế.

Thông thường doanh nghiệp chỉ sản xuất một hàng hóa nào đó nếu họ tin rằng nó sẽ được mua. Điều đó có nghĩa là tổng cầu về sản lượng sẽ quyết định tổng cung sản xuất bởi các doanh nghiệp. Do vậy, trạng thái cân bằng đạt được là trạng thái mà tại đó tổng chi tiêu phải bằng tổng sản lượng.

Vì tổng sản lượng (GDP) lại bằng tổng thu nhập (Y) nên trạng thái cân bằng trên mô hình thu nhập – chi tiêu là:

AE = GDP = Y

Trên mô hình, trạng thái cân bằng đạt được là trạng thái mà tại đó, với một mức thu nhập nhất định, lượng hàng hóa dịch vụ sản xuất ra đều được bán hết và nhu cầu mua sắm của các tác nhân kinh tế cũng được thỏa mãn. Do đó trạng thái

cân bằng được xác định bởi giao điểm của đường tổng chi tiêu và đường 45^0 (đường biểu diễn thu nhập). Việc xác định thu nhập cân bằng trên cơ sở liên kết thu nhập (sản lượng) với tổng chi tiêu gọi là cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu.

Trên hình 6.2, trạng thái cân bằng đạt được là trạng thái E_0 ứng với mức thu nhập Y_0. Tại mức thu nhập này, tổng chi tiêu dự kiến bằng tổng sản lượng của nền kinh tế. Nhu cầu mua sắm của các tác nhân kinh tế bằng với tổng sản lượng của nền kinh tế. Vấn đề đặt ra là, tại các mức thu nhập khác với Y_0 thì điều gì xảy ra? Trước hết, hãy xét tại mức thu nhập $Y_1 < Y_0$, khi đó đường tổng chi tiêu nằm trên đường 45^0 nên tổng chi tiêu dự kiến lớn hơn mức sản lượng của nền kinh tế. Trong trường hợp này, các hộ gia đình, doanh nghiệp, chính phủ và người nước ngoài có mức chi tiêu dự kiến cao hơn mức mà nền kinh tế đang sản xuất. Các doanh nghiệp phải huy động hàng dự trữ trong kế hoạch ra bán. (*Hàng dự trữ trong kế hoạch* là những hàng hóa mà các doanh nghiệp chủ động dự trữ để đảm bảo cho việc kinh doanh có hiệu quả). Chính vì vậy dẫn đến sự sụt giảm hàng tồn kho trong kế hoạch và các doanh nghiệp phải mở rộng sản xuất để bù đắp sự sụt giảm của hàng tồn kho trong kế hoạch. Quá trình mở rộng sản xuất sẽ tiếp tục cho đến khi không còn chênh lệch giữa tổng chi tiêu dự kiến và mức sản lượng của nền kinh tế, tức là tại mức sản lượng cân bằng Y_0. Như vây, tại các mức sản lượng nhỏ hơn Y_0, các doanh nghiệp luôn có xu hướng mở rộng sản xuất để bù đắp sự sụt giảm về hàng tồn kho và đưa mức sản lượng tiến gần đến Y_0 và cuối cùng khôi phục lại mức sản lượng cân bằng Y_0. Trong trường hợp mức sản lượng $Y_2 > Y_0$, đường tổng chi tiêu nằm dưới đường 45^0, lượng hàng hóa nền kinh tế sản xuất vượt quá sức mua của các tác nhân kinh tế, và lượng hàng hóa không bán được sẽ được giữ lại trong kho dưới dạng hàng tồn kho ngoài kế hoạch. (Hàng dự trữ ngoài kế hoạch là những hàng hóa doanh nghiệp sản xuất ra nhưng không bán được). Việc hàng dự trữ ngoài kế hoạch tích tụ lại sẽ phát sinh những tổn thất và chi phí lưu giữ, do vậy các doanh nghiệp phản ứng bằng cách cắt giảm mức sản xuất cho đến khi mức sản lượng trở lại Y_0.

Như vậy, mức sản lượng cân bằng Y_0 là mức sản lượng mà nền kinh tế luôn hướng tới. Tại bất cứ mức sản lượng nào khác với Y_0 thì chênh lệch về hàng tồn kho luôn khiến các doanh nghiệp thay đổi mức sản lượng theo hướng tiến gần đến và bằng Y_0.

- *Công thức tính sản lượng cân bằng*

Đường tổng chi tiêu (giả sử có dạng tuyến tinh) được viết như sau:

$$\mathbf{AE = A + \alpha Y} \quad (1)$$

Trong đó:

A: Phần chi tiêu tự định (Phần chi tiêu không phụ thuộc thu nhập quốc dân)

α: Độ dốc của đường tổng chi tiêu, do độ dốc của đường tổng chi tiêu thoải hơn đường thu nhập nên $0 < \alpha < 1$.

Tại trạng thái cân bằng, tổng chi tiêu phải bằng tổng thu nhập nên:

$$\mathbf{AE = Y} \quad (2)$$

Từ (1) và (2) ta có:

$$\mathbf{Y = A + \alpha Y}$$

Mức sản lượng cân bằng:

$$\mathbf{Y} = \frac{A}{1-\alpha}$$

c. Dịch chuyển của đường tổng chi tiêu và sự thay đổi mức sản lượng cân bằng

- *Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu*

Đường tổng chi tiêu sẽ dịch chuyển khi có những thay đổi trong nền kinh tế làm cho các hộ gia đình, doanh nghiệp, chính phủ và người nước ngoài quyết định chi tiêu nhiều hơn hay ít hơn tại mỗi mức thu nhập.

- *Sự thay đổi mức sản lượng cân bằng*

Giả sử tổng chi tiêu tăng lên là Z tại mỗi mức thu nhập quốc dân. Điều này dẫn đến sự dịch chuyển lên trên của đường tổng chi tiêu, từ AE_0 đến AE_1 (hình 6.3). Trạng thái cân bằng thay đổi từ E_0 đến E_1, mức sản lượng cân bằng được mở

rộng từ Y_0 đến Y_1. Sự gia tăng mức sản lượng cân bằng lớn hơn so với sự gia tăng của tổng chi tiêu Z (do đường tổng chi tiêu thoải hơn đường thu nhập)

Như vậy, gia tăng trong tổng chi tiêu dẫn đến một sự gia tăng lớn hơn trong thu nhập. Để mô tả hiện tượng này, Keynes đã dùng thuật ngữ số nhân chi tiêu.

Số nhân chi tiêu cho biết sự thay đổi của sản lượng cân bằng gây ra do sự thay đổi của một đơn vị trong tổng chi tiêu.

$$\mathbf{m} = \frac{\Delta Y}{Z} = \frac{Y_1 - Y_0}{Z}$$

Mô hình cho thấy, số nhân chi tiêu là độ gia tăng trong mức sản lượng cân bằng tạo ra khi Z = 1. Trên đồ thị, khi đường tổng chi tiêu dịch chuyển lên trên 1 đơn vị (tức là khi tổng chi tiêu tăng lên là 1 tại mỗi mức thu nhập quốc dân), chi tiêu tự định tăng từ A đến A + 1, mức sản lượng cân bằng thay đổi một lượng là:

$$Y_1 - Y_0 = \frac{A+1}{1-\alpha} - \frac{A}{1-\alpha} = \frac{1}{1-\alpha}$$

Theo định nghĩa về số nhân chi tiêu thì sự thay đổi của mức sản lượng cân bằng trên là số nhân chi tiêu (m), do đó:

$$\mathbf{m} = \frac{1}{1-\alpha}$$

Và trong trường hợp tổng quát, số nhân chi tiêu sẽ được tính như sau:

$$\mathbf{m} = \frac{\Delta Y}{\Delta A}$$

Trong đó: ΔY: Sự thay đổi của mức sản lượng cân bằng khi đường tổng chi tiêu dịch chuyển; ΔA: Sự thay đổi của tổng chi tiêu tại mỗi mức thu nhập quốc dân.

Vì độ dốc của đường tổng chi tiêu $0 < \alpha < 1$ nên $m > 1$. Độ dốc của đường tổng chi tiêu càng lớn thì số nhân chi tiêu càng lớn.

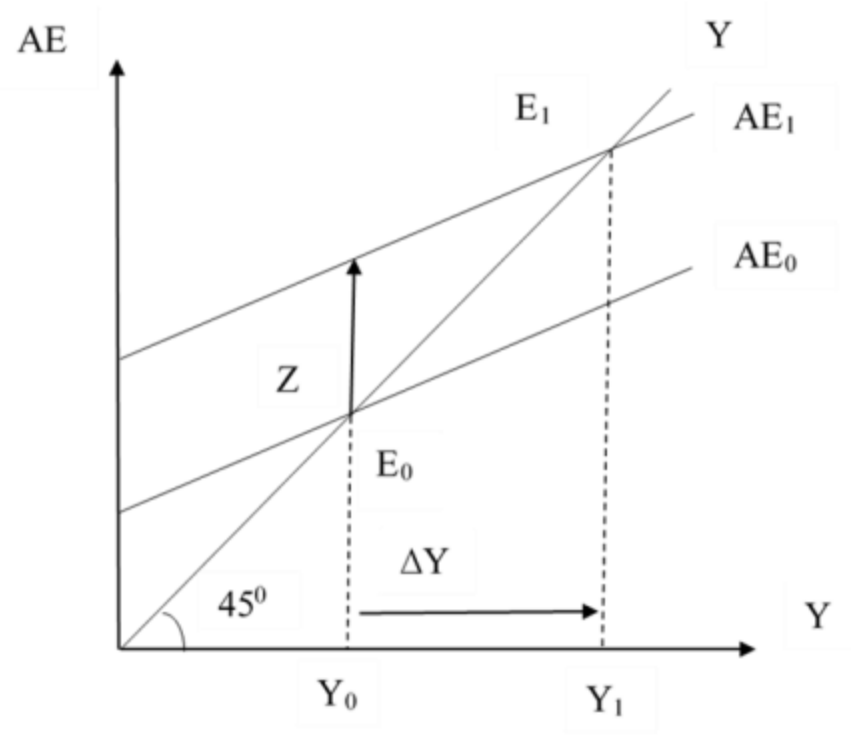

Hình 6.3: Thay đổi trạng thái cân bằng khi dịch chuyển đường tổng chi tiêu

d. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu và phân tích tổng cầu – tổng cung.

- *Đường tổng cầu*

Mức sản lượng cân bằng đạt được trên mô hình thu nhập – chi tiêu ứng với một mức giá nhất định. Vậy mức sản lượng cân bằng này sẽ thay đổi như thế nào trong trường hợp mức giá có sự thay đổi?

Với mức giá P_0, ứng với mức giá này đường tổng chi tiêu của nền kinh tế là AE (P_0), trạng thái cân bằng trên mô hình thu nhập – chi tiêu là E_0, mức sản lượng cân bằng là Y_0. Giả sử mức giá giảm xuống P_1, do tổng chi tiêu của nền kinh tế là tổng chi tiêu dự kiến về tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng nên với tác động của các hiệu ứng của cải, hiệu ứng lãi suất và hiệu ứng tỉ giá hối đoái, đường tổng chi tiêu AE_0 sẽ dịch chuyển xuống AE_1 (hình 6.4). Trạng thái cân bằng chuyển tới E_1 và mức sản lượng cân bằng giảm xuống Y_1.

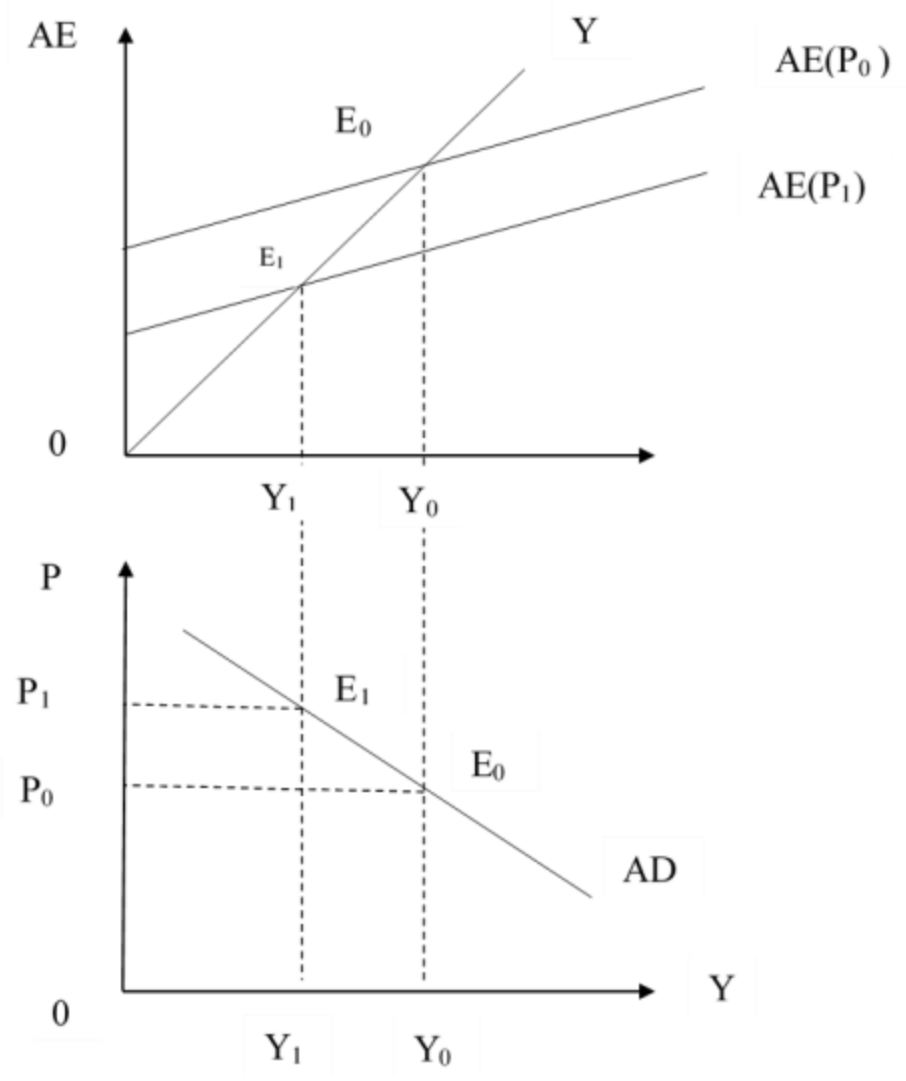

Hình 6.4: Xây dựng đường tổng cầu từ mô hình thu nhập – chi tiêu

Như vậy, ứng với mức giá P_0, sản lượng cân bằng đạt được trên mô hình thu nhập – chi tiêu là Y_0, tương tự ứng với mức giá P_1, sản lượng cân bằng đạt được trên mô hình thu nhập – chi tiêu là Y_1. Từ đó những điểm thể hiện mối quan hệ giữa giá và sản lượng cân bằng ứng với từng mức giá có tính chất giống như (P_0, Y_0) và (P_1, Y_1) sẽ nằm trên đường tổng cầu AD của nền kinh tế (hình 6.4*)*.

- *Các cú sốc làm dịch chuyển đường tổng chi tiêu tác động đến tổng cầu*

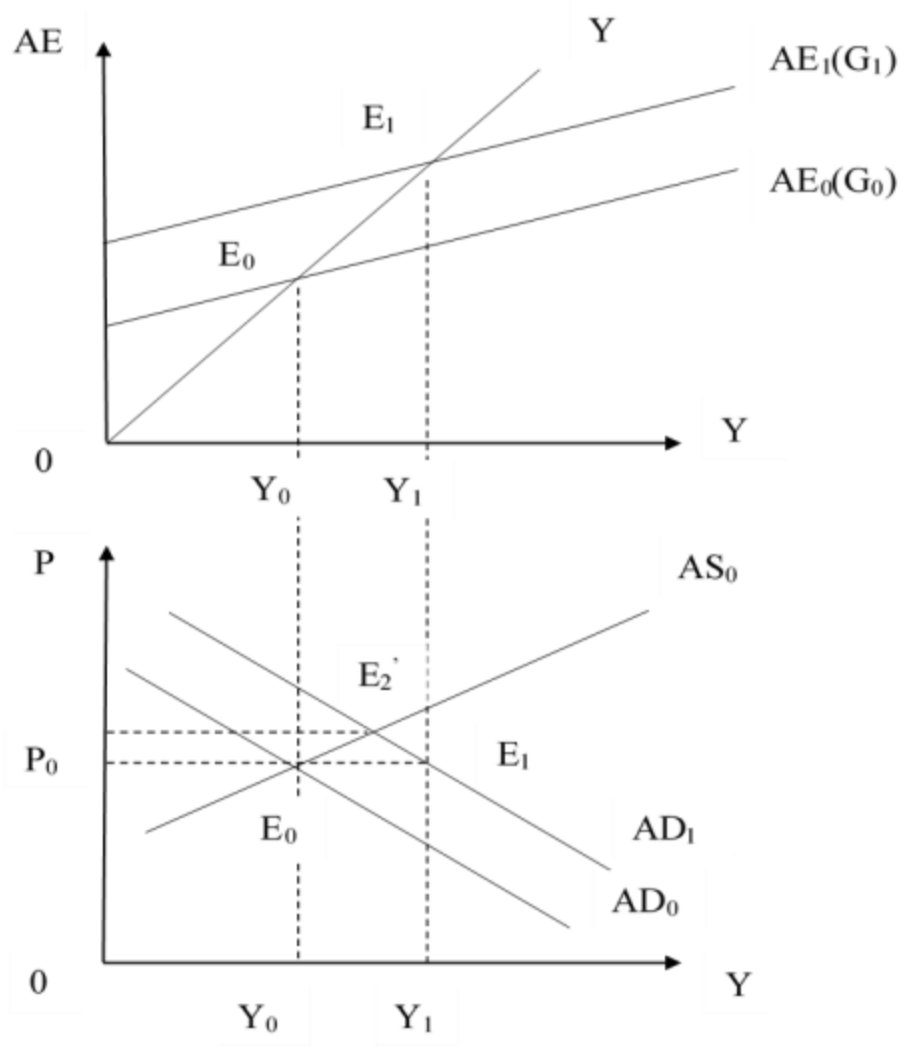

Hình 6.5: Tác động của tăng chi tiêu chính phủ đến sản lượng và mức giá

Ứng với một mức giá nhất định, bất kỳ một nhân tố nào tác động làm dịch chuyển đường tổng chi tiêu cũng dẫn đến sự thay đổi của sản lượng cân bằng và qua đó làm dịch chuyển đường tổng cầu. Ví dụ, chi tiêu chính phủ tăng, làm tăng tổng chi tiêu tại mỗi mức thu nhập quốc dân và do đó đẩy đường tổng chi tiêu AE_0 dịch chuyển lên AE_1. Mức sản lượng cân bằng mở rộng từ Y_0 đến Y_1. Trên mô hình tổng cầu – tổng cung, tại mức giá không đổi P_0, mức sản lượng cân bằng trên mô hình thu nhập chi tiêu đã mở rộng đến Y_1.

Với lập luận trên, tại tất cả các mức giá ban đầu của nền kinh tế, hiện tượng tác động đến tổng cầu lập lại tương tự. Có thể kết luận rằng, đường tổng cầu AD_0 đã dịch chuyển sang phải đến AD_1 (hình 6.5)

6.1.3. Mô hình xác định sản lượng cân bằng

a. Mô hình xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn

Nền kinh tế giản đơn chỉ bao gồm hai thành viên là hộ gia đình và doanh nghiệp. Do đó, phương trình đường tổng chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn được biểu diễn như sau:

$$\mathbf{AE = C + I}$$

Trong đó:

C: Tiêu dùng của các hộ gia đình

I: Đầu tư

Tiếp theo sẽ xem xét từng thành tố trong tổng chi tiêu của nền kinh tế giản đơn

- ***Tiêu dùng của các hộ gia đình***

Hàm tiêu dùng

Trên cơ sở nghiên cứu tiêu dùng với vai trò là một thành tố quan trọng trong tổng chi tiêu, ở đây chúng ta xét đến *hàm tiêu dùng*, tức là hàm thể hiện mối quan hệ giữa tiêu dùng và thu nhập khả dụng của các hộ gia đình.

Thu nhập khả dụng là tổng thu nhập các hộ gia đình nhận được từ việc cung ứng các yếu tố đầu vào cho doanh nghiệp cộng với trợ cấp từ chính phủ và trừ đi phần thuế phải nộp. Hộ gia đình sử dụng phần thu nhập khả dụng để tiêu dùng và tiết kiệm. Thu nhập khả dụng ký hiệu là Y_d. Trong mô hình kinh tế giản đơn, không có vai trò của chính phủ nên thu nhập khả dụng bằng thu nhập quốc dân ($Y_d = Y$)

Khi thu nhập khả dụng tăng lên, chi tiêu của các hộ gia đình cho lương thực thực phẩm, quần áo, nhà cửa, y tế, và một số hàng hóa dịch vụ khác cũng tăng lên. Do vậy, khi thu nhập khả dụng tăng lên thì tiêu dùng của các hộ gia đình cũng tăng lên.

Để biểu diễn hàm tiêu dùng, chúng ta hãy xem xét đến các yếu tố cấu thành nên hàm tiêu dùng: xu hướng tiêu dùng cận biên và tiêu dùng tự định

Xu hướng tiêu dùng cận biên; Lượng tiêu dùng tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm một đơn vị được gọi là *xu hướng tiêu dùng cận biên (MPC)*

$$MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$$

Tiêu dùng tự định: *Tiêu dùng tự định* là phần tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập ($\overline{C}$). Đây là khoản tiêu dùng phải chi tiêu kể cả khi không có thu nhập
Hàm tiêu dùng có dạng như sau:

$$C = \overline{C} + MPC \times Y_d$$

Trong đó:

C là tiêu dùng

$\overline{C}$ là tiêu dùng tự định

MPC là xu hướng tiêu dùng cận biên

Đường tiêu dùng biểu diễn hàm tiêu dùng. Để biểu diễn đường tiêu dùng, dùng một hệ trục tọa độ với trục tung biểu diễn lượng tiêu dùng và trục hoành biểu diễn thu nhập. Đường 45^0 là đường biểu diễn tiêu dùng bằng thu nhập của nền kinh tế. (Vì trong nền kinh tế giản đơn, thu nhập khả dụng bằng thu nhập)
Như vậy trên đồ thị xu hướng tiêu dùng cận biên MPC chính là độ dốc của đường tiêu dùng. Tiêu dùng tự đinh ($\overline{C}$) là hệ số chặn của đường tiêu dùng.

Hình 6.6 biểu diễn đường tiêu dùng, với mọi mức thu nhập nhỏ hơn Y_0 thì tiêu dùng lớn hơn thu nhập khả dụng. Với các mức thu nhập lớn hơn Y_0, tiêu dùng lớn hơn thu nhập khả dụng. Tại mức thu nhập bằng Y_0, tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng

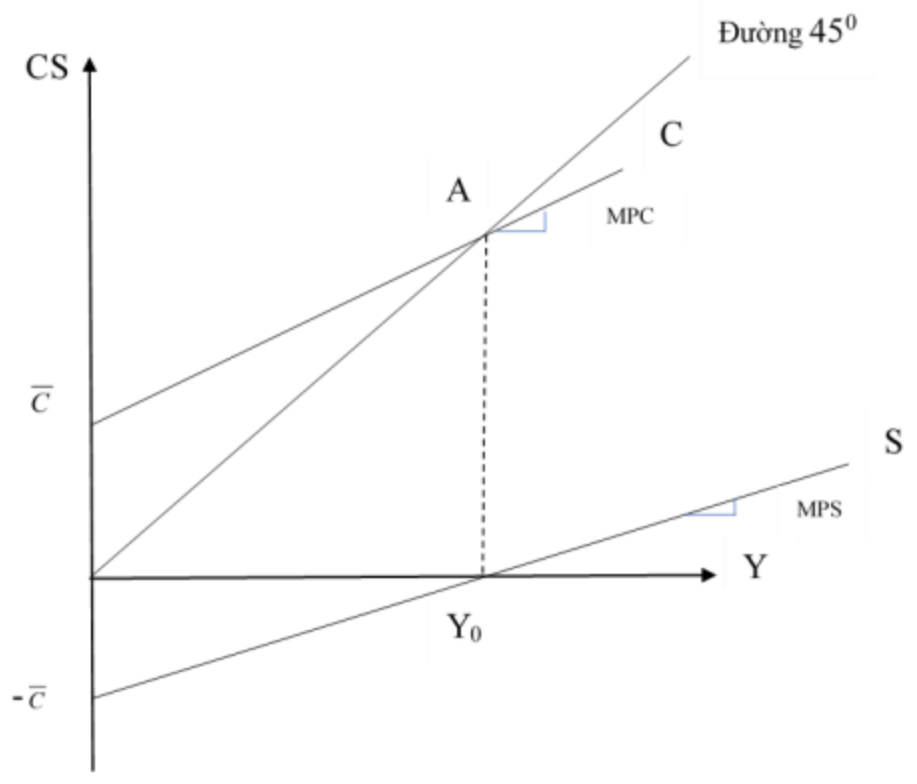

Hình 6.6: Đường tiêu dùng và đường tiết kiệm

Sự dịch chuyển của đường tiêu dùng

Những nhân tố tác động làm cho lượng tiêu dùng của các hộ gia đình thay đổi tại mỗi mức thu nhập khả dụng là những nhân tố tạo nên sự dịch chuyển của đường tiêu dùng. Ví dụ, thu nhập dự kiến trong tương lai, của cải đã được tích lũy…

Xu hướng tiết kiệm cận biên

Các hộ gia đình dùng thu nhập khả dụng để tiêu dùng và tiết kiệm. Như vậy, từ mỗi đơn vị thu nhập khả dụng được bổ sung các hộ gia đình không chỉ tiêu dùng mà còn tiết kiệm. Mức tiết kiệm bổ sung từ một đơn vị thu nhập khả dụng tăng thêm được gọi là *xu hướng tiết kiệm cận biên (MPS)*

$$MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Y_d}$$

Hàm tiết kiệm

Hàm tiết kiệm thể hiện mối quan hệ giữa tiết kiệm với thu nhập khả dụng của các hộ gia đình

Ta có: $Y_d = C + S$

⇨ $S = Y_d - C \Rightarrow S = Y_d - (\overline{C} + MPC \times Y_d)$

⇨ $S = -\overline{C} + (1 - MPC) \times Y_d$ (1)

Vì $MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$ và $MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Y_d}$ nên MPS = 1 – MPC (2)

Do đó, thay (2) vào (1) ta có:

$$\mathbf{S} = -\overline{C} + MPS \times Y_d$$

Đường biểu diễn hàm tiết kiệm gọi là đường tiết kiệm. Hình 9.6 biểu diễn hàm tiết kiệm của nên kinh tế với:

- $\overline{C}$ là mức tiết kiệm của nền kinh tế tại mức thu nhập bằng không.

MPS là xu hướng tiết kiệm cận biên và là độ dốc của đường tiết kiệm

Tại mức thu nhập khả dụng Y_0, thu nhập khả dụng vừa đủ trang trải chi tiêu cho tiêu dùng ($Y_d = C$), do đó tiết kiệm S=0, Y_0 được gọi là điểm vừa đủ.

Điểm vừa đủ là điểm mà tại đó, thu nhập khả dụng vừa đủ trang trải cho tiêu dùng và tiết kiệm bằng không.

- ***Đầu tư***

Đầu tư là thành tố quan trọng thứ hai của tổng chi tiêu. Thuật ngữ đầu tư trong nền kinh tế giản đơn chỉ tổng đầu tư tư nhân (bao gồm cả đầu tư thay thế và đầu tư tăng thêm). So với tiêu dùng, đầu tư chiếm tỉ trong khiêm tốn hơn. Đầu tư biến động rất mạnh trong chu kỳ kinh doanh. Đầu tư chịu tác động của một số nhân tố như lãi suất thực tế, thu nhập hiện tại của nền kinh tế và dự tính của doanh nghiệp về triển vọng tương lai…Xem xét hàm cầu về đầu tư có thể thấy được sự phụ thuộc của đầu tư vào những yếu tố này.

Hàm cầu về đầu tư

Hàm cầu về đầu tư thể hiện mối quan hệ giữa lượng cầu đầu tư theo kế hoạch và lãi suất thực tế (trong điều kiện các yếu tố khác và thu nhập của nền kinh tế không đổi)

Lãi suất thực tế:

Lãi suất thực tế với tư cách là chi phí cơ hội của việc sử dụng đồng vốn đầu tư. Chính vì vậy, đầu tư biến động ngược chiều với lãi suất thực tế (hình 6.7). Đường cầu về đầu tư có dạng dốc xuống.

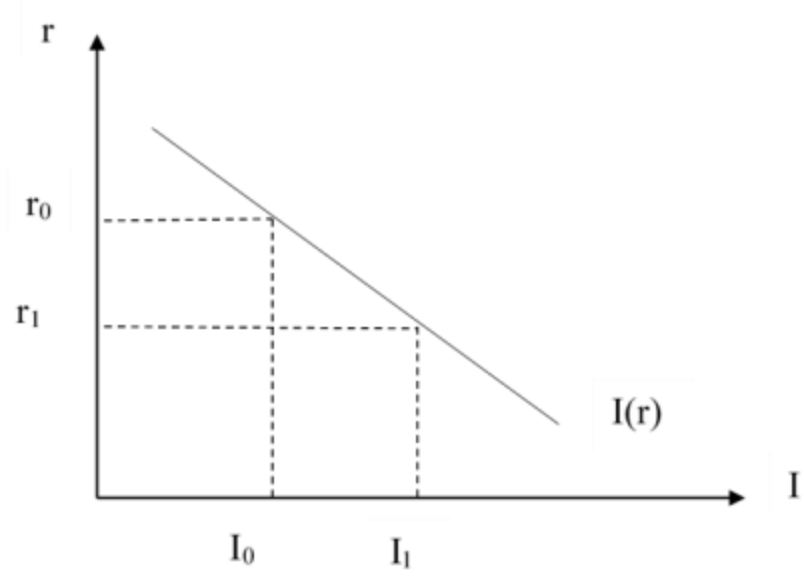

Hình 6.7: Đường cầu đầu tư

Khi lãi suất thực tế thay đổi, tạo ra sự di chuyển dọc đường cầu đầu tư. Vậy, đường cầu đầu tư sẽ dịch chuyển khi nào?

Sự dịch chuyển đường cầu đầu tư

Đường cầu đầu tư sẽ dịch chuyển khi có sự thay đổi trong các nhân tố như thu nhập, tâm lý của nhà đầu tư…Khi thu nhập của nền kinh tế tăng, đường cầu đầu tư sẽ dịch chuyển sang bên phải và ngược lại, khi thu nhập của nền kinh tế giảm, đường cầu đầu tư sẽ dịch chuyển sang trái. Khi các nhà đầu tư lạc quan hơn về triển vọng của nền kinh tế, đường cầu về đầu tư sẽ dịch chuyển sang phải và ngược lại, khi có làn sóng bi quan về đầu tư trong nền kinh tế, đường cầu đầu tư sẽ dịch chuyển sang trái (hình 6.8)

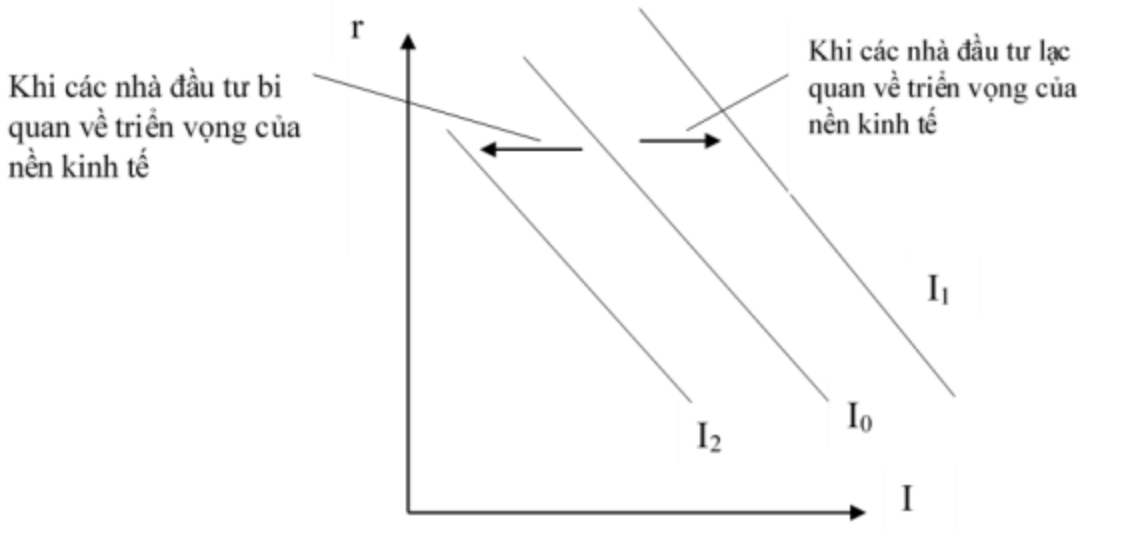

Hình 6.8: Sự dịch chuyển đường cầu đầu tư do tâm lý kinh doanh

Trong chương này chỉ tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa chi tiêu và thu nhập quốc dân nên giả thiết lãi suất là cho trước và mức đầu tư không liên quan đến thu nhập hiện tại của nền kinh tế. ($I = \bar{I}$)

Sản lượng cân bằng

Phương trình đường tổng chi tiêu AE của nền kinh tế giản đơn như sau:

$$AE = C + I \Rightarrow AE = \bar{C} + MPC \times Y_d + I \Rightarrow AE = (\bar{C} + I) + MPC \times Y_d$$

⇨ $AE = (\bar{C} + I) + MPC \times Y$ (vì $Y_d = Y$ trong nền kinh tế giản đơn)

Như vậy, đường tổng chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn có chi tiêu tự định bằng $(\bar{C} + \bar{I})$ và độ dốc bằng độ dốc của đường tiêu dùng và bằng MPC.

Tại trạng thái cân bằng:

$$AE = Y$$

$$\Rightarrow \left(\bar{C} + I\right) + MPC \times Y = Y$$

Mức sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn là:

$$Y = \frac{\bar{C} + I}{1 - MPC}$$

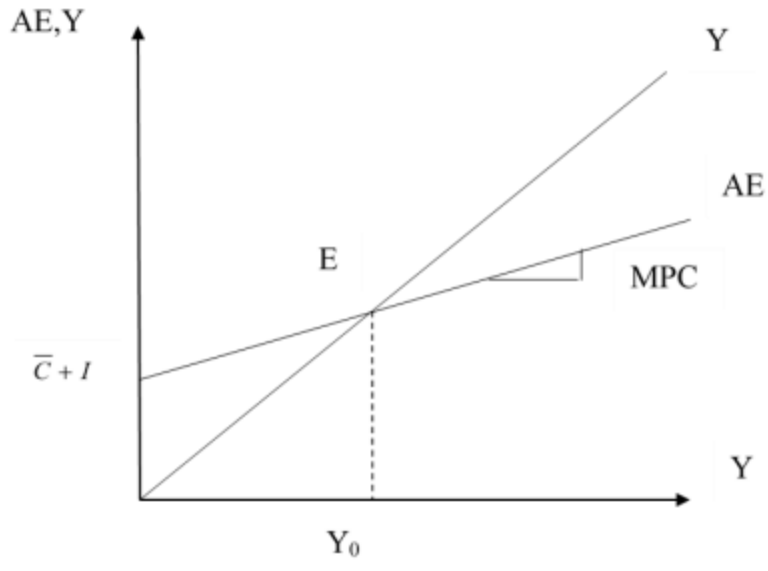

Hình 6.9: Mức sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn

Để phân tích sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn, chúng ta sử dụng số liệu trong bảng 6.1

Bảng 6.1: Các thành tố trong tổng chi tiêu

Đơn vị: Tỷ đồng

Thu nhập khả dụng (Y_d)	Tiêu dùng (C)	Đầu tư (I)	Tổng chi tiêu (AE)
80	84	50	134
120	116	50	166
160	148	50	198
200	180	50	230
240	212	50	262
280	244	50	294

Từ bảng 6.1 có thể xây dựng được phương trình của đường tiêu dùng và đường tổng chi tiêu như sau:

$$C = \overline{C} + MPC \times Y_d \Rightarrow C = 20 + 0.8Y_d$$

$$\Rightarrow C = 20 + 0.8Y$$

$$\Rightarrow AE = (\overline{C} + I) + MPC \times Y$$

$$\Rightarrow AE = 70 + 0.8Y$$

Tại trạng thái cân bằng, AE =Y; Do đó mức sản lượng cân bằng sẽ là:

$$\Rightarrow Y = \frac{\overline{C} + I}{1 - MPC} \quad \text{hay} \quad Y = 70/(1-0.8) = 350$$

Số nhân chi tiêu

Như trên chúng ta đã đề cập, số nhân chi tiêu cho biết sự thay đổi của mức sản lượng cân bằng gây ra bởi sự thay đổi một đơn vị trong tổng chi tiêu. Vậy trong mô hình kinh tế giản đơn, số nhân chi tiêu bằng bao nhiêu và cơ chế khuếch đại của sự thay đổi trong chi tiêu tự định đến mức sản lượng cân bằng như thế nào? Phân tích sau đây dựa vào hình 9.10 với giả thiết đầu tư của nền kinh tế tăng thêm một lượng là ΔI, lúc đó tổng chi tiêu của nền kinh tế tăng thêm một lượng là ΔI tại mỗi mức thu nhập quốc dân, đường tổng chi tiêu dich chuyển lên trên là ΔI. Mức sản lượng của nền kinh tế tăng từ Y_0 đến Y_1.

Trước tiên, độ lớn của số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn sẽ được tính bằng độ mở của mức sản lượng cân bằng khi chi tiêu tự định tăng lên một đơn vị. Do vậy, số nhân chi tiêu (m) sẽ được tính như sau:

$$m = \frac{Y_1 - Y_0}{\Delta I} = \frac{1}{1 - MPC}$$

Trong ví dụ trên, giả sử đầu tư tăng thêm 1 tỷ, số nhân chi tiêu của nền kinh tế sẽ là: $m = 1/(1 - 0.8) = 5$

Điều đó có nghĩa là, nếu đầu tư tăng thêm 1 tỷ, mức sản lượng cân bằng của nền kinh tế sẽ mở rộng là 5 tỷ

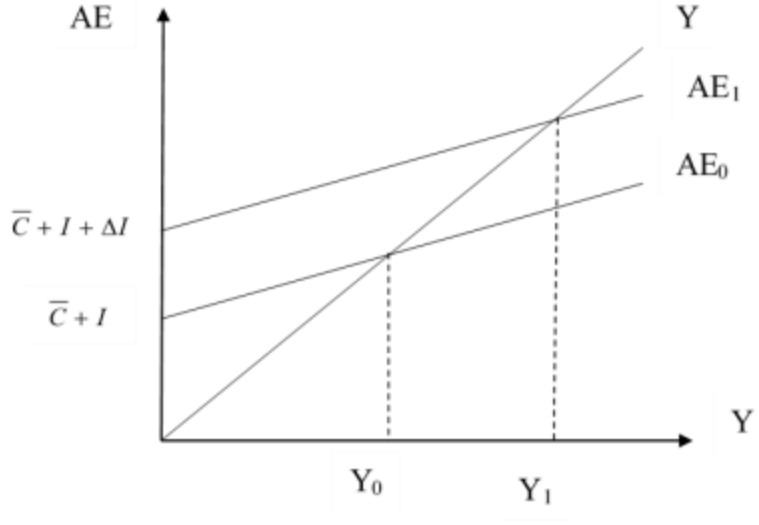

Hình 6.10: Tác động của sự thay đổi chi tiêu tự định (đầu tư) đến mức sản lượng cân bằng

Tiếp theo, sẽ xem xét cơ chế khuếch đại của số nhân chi tiêu

Giả sử nền kinh tế tăng thêm 1 tỷ đồng vốn đầu tư, điều này tác động đến mức sản lượng làm mức sản lượng tăng thêm 1 tỷ đồng. Phần thu nhập tăng thêm này sẽ được phân phối cho các thành viên kinh tế. Thu nhập tăng thêm sẽ dẫn đến sự tăng lên trong tiêu dùng một lượng bằng MPC. ΔY, do xu hướng tiêu dùng cận biên bằng 0.8 và ΔY lúc này là 1 tỷ nên tiêu dùng của nền kinh tế sẽ tăng thêm 0.8 tỷ. Tiếp đến, mức sản lượng lại tăng thêm 0.8 tỷ, rồi sau đó lại làm tăng tiêu dùng 0.8^2 tỷ, cứ tiếp tục như vậy, mức sản lượng lại tăng thêm 0.8^2 tỷ và từ đó lại tạo hiệu ứng tăng tiêu dùng …

Tổng hợp sự thay đổi của mức sản lượng qua các hiệu ứng nói trên từ sự thay đổi đầu tư 1 tỷ đồng, ta có:

$$\Delta Y = (1 + 0.8 + 0.8^2 + 0.8^3 + \ldots)$$

$$\Rightarrow \quad \Delta Y = \frac{1}{1 - 0.8}$$

$$\Rightarrow \quad \Delta Y = 5$$

b. Mô hình xác định sản lượng trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ

Khi chính phủ tham gia vào mô hình thu nhập – chi tiêu, ảnh hưởng này lên mô hình thông qua hai nhân tố:

- *Ảnh hưởng của thuế*

Thuế được đề cập ở đây là *thuế ròng*, tức là chênh lệch giữa thuế T_x và trợ cấp từ chính phủ (Tr). Thuế ròng $T = T_x - Tr$

Thuế bao gồm hai bộ phận, thuế tự định (thuế đánh độc lập với thu nhập quốc dân $\overline{T}$ và thuế đánh phụ thuộc vào thu nhập quốc dân, để đơn giản chúng ta giả thiết thuế đánh tỉ lệ với thu nhập quốc dân với tỉ suất t). Để đơn giản chúng ta giả thiết trợ cấp bằng không và thuế ròng bằng thuế.

Hàm thuế sẽ được biểu diễn như sau:

$$T = \overline{T} + t \times Y$$

Nếu thuế đánh đầy đủ với hai bộ phận trên, đường tổng chi tiêu của nền kinh tế sẽ vừa dịch chuyển xuống dưới do chi tiêu tự định giảm đi một lượng bằng thuế tự định, vừa thay đổi độ dốc theo hướng thoải hơn vì tỉ suất thuế làm giảm xu hướng tiêu dùng cận biên của hàng hóa nội địa.

- *Chi tiêu cho hàng hóa dịch vụ của chính phủ (G)*

Đây là những khoản chi tiêu cho các dự án đầu tư công hoặc chi trả lương cho các viên chức chính phủ và các chi phí khác của chính phủ. Trong mô hình chúng ta đang xét, chi tiêu chính phủ được giả thiết là cố định. Do vậy, chi tiêu chính phủ (G) tác động đến mô hình thu nhập – chi tiêu thông qua tác động đến chi tiêu tự định và làm dịch chuyển đường tổng chi tiêu lên trên một lượng bằng chi tiêu chính phủ

Công thức tính mức sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng có chính phủ

Phương trình đường tổng chi tiêu trong nền kinh tế đóng có chính phủ:

$$\mathbf{AE = C + I + G}$$

Trong đó:

$$C = \overline{C} + MPC \times Y_d \Rightarrow AE = \overline{C} + MPC \times Y_d + I + G$$

Trong đó $Y_d = Y - T$ với $T = tY$ nên ta có:

$$AE = \overline{C} + MPC \times (Y - tY) + I + G$$

$$\Rightarrow \quad AE = \overline{C} + I + G + MPC \times (1 - t)Y$$

Tại trạng thái cân bằng:

$$AE = Y$$

$$\Rightarrow \quad Y = \overline{C} + I + G + MPC \times (1 - t)Y$$

Mức sản lượng cân bằng sẽ là:

$$Y = \frac{\overline{C} + I + G}{1 - MPC(1 - t)}$$

Số nhân chi tiêu m sẽ bằng:

$$m = \frac{1}{1 - MPC(1 - t)}$$

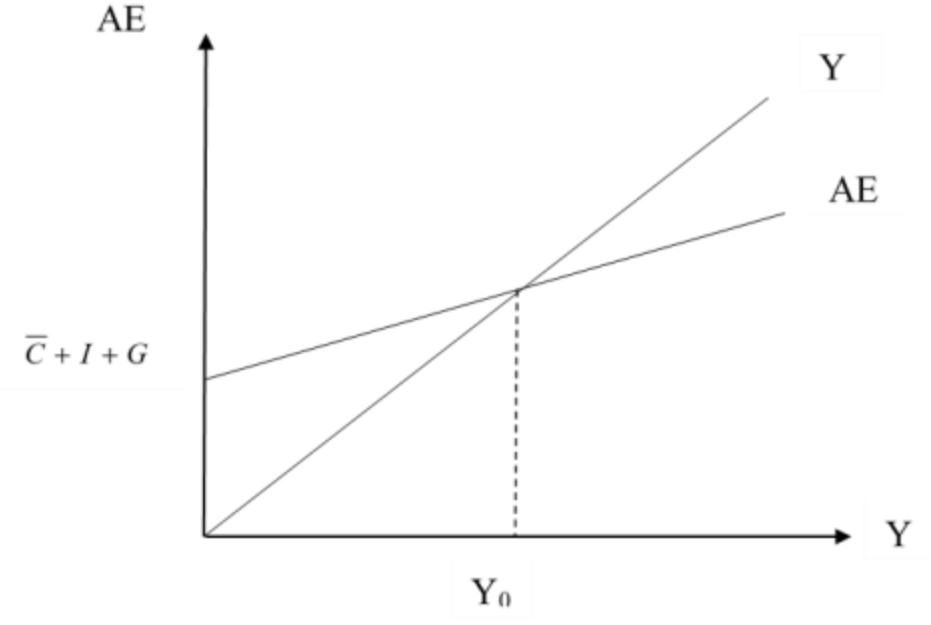

Hình 6.11: Mức sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng có chính phủ

c. Mô hình xác định sản lượng trong nền kinh tế mở

Nền kinh tế mở có sự tham gia của người nước ngoài vào nền kinh tế chúng ta đang xét. Chính vì vậy, tổng chi tiêu của nền kinh tế sẽ có thêm một thành tố nữa là xuất khẩu ròng.

Xuất khẩu ròng của một nước là chênh lệch giữa kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu.

- *Xuất khẩu*

Giá trị kim ngạch xuất khẩu (X) phụ thuộc vào quyết định của người nước ngoài đối với việc mua hàng trong nước. Điều này trước tiên phụ thuộc vào thu nhập của người nước ngoài, sau đó đến một số nhân tố khác như thương hiệu của hàng Việt Nam, giá tương đối giữa hàng Việt Nam so với hàng ngoại, tỉ giá hối đoái…Để đơn giản có thể giả thiết xuất khẩu là cho trước với một giá trị cố định nào đó.

- *Nhập khẩu*

Giá trị kim ngạch nhập khẩu (IM) phụ thuộc vào thu nhập quốc dân và một số yếu tố khác như giá tương đối giữa hàng trong nước và hàng nhập, tỉ giá hối đoái…Trong mô hình này, giả thiết giá trị kim ngạch nhập khẩu chỉ phụ thuộc